

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3074/2013/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý tài nguyên nước
trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Công văn số 3100/BTNMT-TNN ngày 13/8/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện công tác cấp phép về tài nguyên nước trong thời gian chờ Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 444/TTr-STNMT ngày 05/7/2013; Văn bản thẩm định số 919/STP-XDVB ngày 22/7/2013 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 2196/2005/QĐ-UB ngày 15/8/2005 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá và Quyết định 2538/2010/QĐ-UBND ngày 23/7/2010 về bổ sung một số nội dung vào Quy định về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TN & MT (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các Ủy viên UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, P. NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Quyền Đức Quyền

QUY ĐỊNH
Về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3014/2013/QĐ-UBND ngày 30/8/2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)



Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng đối với việc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra (gọi chung là hoạt động tài nguyên nước) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành (sau đây gọi chung là cơ quan nhà nước), Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trong quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (gọi chung là tổ chức, cá nhân) khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Chương II

**TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC
CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

Điều 3. Lập, phê duyệt, công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước

1. Quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan, lập quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh đã được phê duyệt.

2. Quy hoạch về thủy lợi, thủy điện, cấp nước, giao thông đường thủy nội địa và các quy hoạch khác có hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước (sau đây gọi chung là quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước) do các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, phải phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước.

3. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và môi trường trong hành lang bảo vệ hồ chứa và vùng lòng hồ.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: Hướng dẫn các đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có hồ chứa, lập quy hoạch, kế hoạch sử

dụng tài nguyên và môi trường trong hành lang bảo vệ hồ chứa, vùng lòng hồ; thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa trên địa bàn tỉnh.

4. Trong hành lang bảo vệ nguồn nước, các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, các ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện không quy hoạch, chấp thuận chủ trương, địa điểm đầu tư và nghiêm cấm việc xây dựng mới các bệnh viện, cơ sở y tế điều trị bệnh truyền nhiễm, nghĩa trang, bãi chôn lấp chất thải, cơ sở sản xuất hóa chất độc hại, cơ sở sản xuất, chế biến có chất thải, nước thải nguy hại.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh các nhiệm vụ về quy hoạch tài nguyên nước.

Điều 4. Kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước; trách nhiệm điều tra đánh giá tài nguyên nước

1. Tổ chức xây dựng kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước của tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Công Thương xây dựng kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp chưa có quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước thì căn cứ tình hình thực tế về thông tin, dữ liệu tài nguyên nước để xây dựng các nội dung trong kế hoạch điều tra cơ bản phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm thực hiện điều tra, đánh giá tài nguyên nước.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện việc điều tra, đánh giá tài nguyên nước của tỉnh; tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 5. Khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi, các khoáng sản khác trên sông; công bố danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp

1. Đối với những dòng sông, đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dòng sông, đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông, xác định nguyên nhân gây sạt, lở, đề xuất các giải pháp để ngăn ngừa, khắc phục; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác.

2. Công bố danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu

Ủy ban nhân dân tỉnh lập, công bố danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh để phòng, chống ngập, úng và bảo vệ nguồn nước.

Điều 6. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; xác định, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước

1. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh và tổ chức công bố, thực hiện, gồm:

a) Hồ tự nhiên, nhân tạo ở các đô thị, khu dân cư tập trung; hồ, ao lớn có chức năng điều hòa ở các khu vực khác; đầm, phá tự nhiên;

b) Sông, suối, kênh, mương là nguồn cấp nước, trực tiếp nước hoặc có tầm quan trọng đối với các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường;

c) Các nguồn nước liên quan đến hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng và di tích thắng cảnh có giá trị cao về đa dạng sinh học, bảo tồn văn hóa và bảo vệ, phát triển hệ sinh thái tự nhiên.

2. Lập, quản lý hành lang vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xác định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh và tổ chức công bố, thực hiện.

3. Tổ chức công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước.

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ kiểm tra, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, đặc biệt đối với các vùng có nguy cơ bị ô nhiễm nguồn nước, các đơn vị kinh doanh nước sạch.

4. Bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Thanh Hóa thường xuyên cập nhật số liệu về khí tượng, thủy văn các vùng trên địa bàn tỉnh; mức độ xâm nhập mặn theo các triển sông vào nội địa; tình hình khai thác, sử dụng nguồn nước và xả nước thải vào nguồn nước. Cung cấp kịp thời số liệu về tài nguyên nước cho các ngành, các cấp thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm

nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước và hành nghề khai thác nước dưới đất; hướng dẫn việc đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước và hành nghề khai thác nước dưới đất theo thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép, gia hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước và hành nghề khai thác nước dưới đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Thực hiện việc thu phí thẩm định hồ sơ, lệ phí cấp phép về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; quản lý hồ sơ cấp phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Thanh tra, kiểm tra các hoạt động về tài nguyên nước theo quy định của giấy phép.

2. Hướng dẫn việc đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước đối với trường hợp phải đăng ký theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức, thực hiện.

Điều 8. Xây dựng cơ sở dữ liệu; quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tổ chức thu thập, tổng hợp tài liệu liên quan đến tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; điều tra bổ sung thông tin, dữ liệu tài nguyên nước, cập nhật vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

b) Quản lý, lưu trữ thông tin, cập nhật dữ liệu về tài nguyên nước (bao gồm cả cập nhật dữ liệu và phát triển, cập nhật hệ thống phần mềm), khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; tiếp nhận, xử lý dữ liệu về tài nguyên nước từ các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan, tích hợp, cập nhật vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; cung cấp dữ liệu về tài nguyên nước cho

các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý và khai thác cơ sở dữ liệu tài nguyên nước.

2. Các sở, ban, ngành liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ và quản lý dữ liệu tài nguyên nước và cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về sử dụng nước trong nông nghiệp, công trình thủy lợi, hồ chứa thủy lợi, thủy điện, dự án có liên quan đến khai thác sử dụng tài nguyên nước, dữ liệu nước sạch nông thôn.

b) Sở Xây dựng: Cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về quy hoạch nguồn cấp nước sinh hoạt đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao; số liệu về các đơn vị thu nhận, xử lý nước thải đô thị và khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao.

c) Sở Y tế: Cung cấp số liệu kết quả kiểm tra định kỳ chất lượng nguồn nước khai thác cho mục đích sinh hoạt, đặc biệt đối với các đơn vị kinh doanh nước sạch; chất lượng nước thải tại các bệnh viện, cơ sở y tế.

d) Sở Công Thương: Cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về sử dụng nước trong trong các hồ, đập thủy điện.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chịu trách nhiệm thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ, quản lý, dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định; cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

4. Kinh phí thu thập, quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên nước: Kinh phí vận hành hệ thống, thu thập, xử lý dữ liệu, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước bảo đảm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ, kinh phí xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học nhằm sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả

1. Hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ, xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học nhằm sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng các chương trình, kế hoạch nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và xử lý, cải tạo, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức triển khai, chuyển giao, ứng dụng các kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước vào sản xuất và đời sống.

2. Kinh phí và xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và xử lý, cải tạo, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp kế hoạch đầu tư kinh phí cho các chương trình, dự án về hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Tài chính về tài nguyên nước

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng các chính sách về thuế tài nguyên nước, phí, lệ phí quản lý tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

2. Cục Thuế Thanh Hoá có trách nhiệm: Tổ chức thực hiện thu các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật về thuế, phí, Luật Quản lý thuế và các chính sách thu hiện hành trong lĩnh vực khai thác tài nguyên nước.

Chương III

**TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, CẤP XÃ**

Điều 11. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo, điều hành các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý tài nguyên nước. Đề xuất chính sách quản lý cho từng thời kỳ đảm bảo phát triển bền vững nguồn tài nguyên nước.

2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra.

a) Bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn quản lý, bao gồm: nước dưới đất, nước trong sông, suối, ao, hồ, đầm trên đất liền, hải đảo.

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt, địa điểm khai thác, sử dụng nguồn nước trên địa bàn. Đặc biệt đối với vùng thượng lưu và hai bên dòng sông Mã; sông Chu; kênh Chính, kênh nhánh của hệ thống đập Bái Thượng; kênh Nam trạm bơm Hoàng Khánh phải có kế hoạch bảo vệ chất lượng nguồn nước để dùng nước sinh hoạt cho nhân dân trên địa bàn.

c) Kiểm soát, giám sát chặt chẽ ao, hồ chứa nước thải, khu chứa nước thải trên địa bàn; trong thực hiện việc đào, xây dựng các hố chôn xác động vật chết khi có dịch, đày và thành bên các hố phải được chống thấm, chống tràn bảo đảm không gây ô nhiễm nguồn nước.

d) Đối với nơi có nguồn nước liên quốc gia có trách nhiệm theo dõi, phát hiện sự cố ô nhiễm; trường hợp xảy ra sự cố thì phải chủ động tiến hành ngay các biện pháp ngăn chặn, hạn chế lan rộng vùng ô nhiễm; xử lý, giảm

thiếu ô nhiễm thuộc phạm vi quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức chỉ đạo xử lý.

d) Đối với những đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông phối hợp với các ngành chức năng xác định nguyên nhân gây sạt, lở, đề xuất các giải pháp để ngăn ngừa, khắc phục và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Đối với vùng ven biển và vùng ảnh hưởng thủy triều, phối hợp với các ngành chức năng có biện pháp quản lý, bảo vệ đê biển, vận hành các công ngăn mặn, giữ ngọt đảm bảo đúng quy trình; khai thác nước dưới đất phải bảo đảm phòng, chống xâm nhập mặn cho các tầng chứa nước dưới đất; bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ chắn sóng để phòng chống xâm nhập mặn và nước biển dâng.

f) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; phòng chống khắc phục hậu quả, tác hại do khai thác nước gây ra, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước.

3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài nguyên nước; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức chuyên môn về tài nguyên và môi trường cấp xã.

4. Tổ chức thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân đang hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật và đề xuất biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên nước.

5. Tổ chức điều tra, thống kê, tổng hợp, phân loại giếng phải trám lấp; kiểm tra việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trong việc trám lấp giếng.

6. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đăng ký về khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất và xả nước thải vào nguồn nước tại địa phương.

7. Thu thập, lưu trữ dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định, cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

8. Định kỳ 6 tháng 1 lần báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tình hình quản lý, bảo vệ, hoạt động tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 12. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra; thống kê, theo dõi, giám sát việc thi hành pháp luật về tài nguyên nước tại địa phương.

3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài nguyên nước; tổ chức hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

4. Thường xuyên kiểm tra các công trình thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn, xử lý vi phạm hoặc kiến nghị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước theo thẩm quyền. Nếu xảy ra tình huống bất khả kháng, kịp thời có biện pháp khắc phục trong khả năng đồng thời báo cáo ngay tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp khắc phục.

5. Quản lý việc khai thác, sử dụng nước dưới đất của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; yêu cầu các hộ gia đình, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất ở các vùng mà mực nước đã bị suy giảm quá mức, xả nước thải vào nguồn nước phải đăng ký theo quy định.

6. Tiếp nhận, kiểm tra, thực hiện các trình tự đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước cho hộ gia đình, cá nhân theo Quy định này; quản lý, lưu trữ hồ sơ, lập sổ theo dõi, ghi chép, thống kê, tổng hợp kết quả đăng ký và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý, bảo vệ trạm quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước trên địa bàn.

8. Thực hiện điều tra, thống kê, tổng hợp, phân loại giếng phải trám lấp; kiểm tra việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trong việc trám lấp giếng.

9. Định kỳ 6 tháng 1 lần báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện tình hình quản lý, bảo vệ, hoạt động tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

10. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp hoặc uỷ quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chương IV

CẤP PHÉP, ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 13. Nguyên tắc cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất; thời hạn của giấy phép tài nguyên nước; thẩm quyền cấp phép hoạt động tài nguyên nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ điều kiện cụ thể của nguồn nước, mức độ chi tiết của thông tin, số liệu điều tra, đánh giá tài nguyên nước và hồ sơ, đề nghị của tổ chức, cá nhân xin cấp phép tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Các trường hợp không phải xin phép nhưng phải đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã ở những vùng có quy định về mực nước bị suy giảm quá mức: Khai thác nước dưới đất, xả nước thải vào nguồn nước không phải xin phép nhưng phải đăng ký thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Đối với các tổ chức, cá nhân khi lập dự án đầu tư có nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, phải thực hiện việc thỏa thuận về nguồn nước phục vụ cho dự án.

Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thỏa thuận về nguồn nước cho khu vực nghiên cứu dự án đầu tư có khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

Điều 16. Trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động tài nguyên nước

1. Trình tự, thủ tục cấp phép, gia hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước và hành nghề khai thác nước dưới đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Chính phủ.

2. Mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép, gia hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước, hành nghề khai thác nước dưới đất và mẫu đăng ký khai thác nước dưới đất, xả nước thải vào nguồn nước theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương V

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước

1. Các tổ chức, cá nhân được phép hoạt động tài nguyên nước có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

2. Các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất có nghĩa vụ:

a) Hành nghề khoan nước dưới đất theo đúng nội dung được ghi trong giấy phép và các quy định có liên quan của pháp luật về tài nguyên nước.

b) Tuân thủ quy trình kỹ thuật khoan và các quy định về bảo vệ nước dưới đất, trường hợp gây sụt lún đất hoặc gây sự cố bất thường khác ảnh hưởng đến công trình xây dựng và đời sống những người trong khu vực thăm dò thì phải xử lý, khắc phục kịp thời, đồng thời báo cáo ngay tới chính quyền địa phương và Sở Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp xử lý.

c) Thông báo bằng văn bản về vị trí, quy mô công trình khoan thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất và thời gian dự kiến thi công cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt công trình trước khi thi công.

d) Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về công trình thăm dò, khai thác nước dưới đất mà mình đã thi công khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

3 Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước khi gặp sự cố gây ảnh hưởng xấu đến số lượng, chất lượng nguồn nước hoặc phát hiện các trường hợp bất thường về số lượng, chất lượng nguồn

nước, sụt lún đất, nghiêng lệch, rạn nứt nhà cửa và các hiện tượng bất thường khác phải báo cáo ngay cho các cấp quản lý chuyên môn để trình Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, xử lý.

Điều 18. Công tác trám lấp giếng: Việc trám lấp giếng phải tuân thủ theo quy định của pháp luật

Chương VI **CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, THANH TRA CHUYÊN** **NGÀNH VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Điều 19. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ trước ngày 05 tháng 12 hằng năm và đột xuất, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng kết, báo cáo tình hình quản lý, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, đăng ký hoạt động tài nguyên nước thuộc ngành và trên địa bàn quản lý, về Sở Tài nguyên và Môi trường. Nội dung báo cáo cần trình bày rõ tình hình quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn, những thuận lợi, khó khăn, kiến nghị và đề xuất giải quyết.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận các báo cáo tình hình quản lý, bảo vệ hoạt động tài nguyên nước của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và có trách nhiệm tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Điều 20. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên nước thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương VII **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 21. Khen thưởng

1. Khuyến khích tổ chức, cá nhân bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên nước.

2. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có các hành vi vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, thì tùy thuộc mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại gây ra theo các quy định pháp luật hiện hành, gồm:

a) Trường hợp phải xin phép hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất nhưng không có giấy phép của cấp có thẩm quyền;

b) Gây suy thoái, cạn kiệt nguồn nước;